

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 578/2026/DS-PT

Ngày: 11/6/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải.

Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 311/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 643/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần Đ1**

Địa chỉ: Tầng B, T88-33 V, đường P, phố P, phường L, TP ..

Đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Đức B - Tổng Giám đốc**

Đại diện theo ủy quyền: **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.**

Địa chỉ: B B N, phường S, TP ..

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: **Ông Nguyễn Hoàng T, Ông Hà Đ.**

Cùng địa chỉ: A đường M, phường C, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:*

2.1. **Ông Võ Trung C**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: A, T, phường N, thành phố Cần Thơ.

2.2. **Bà Trần Hồ Tú D**, sinh năm 1983(chết ngày 06/3/2022)

- *Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D gồm:*

2.2.1. **Bà Hồ Thị Thanh T1**, sinh năm: 1960

Địa chỉ: B N, phường T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Võ Trung L.

Địa chỉ: A, T, phường N, thành phố Cần Thơ.

2.2.2. **Ông Võ Trung C**, sinh năm: 1972.

2.2.3. **Bà Võ Minh A**, sinh năm: 2004.

Địa chỉ: , T, phường N, thành phố Cần Thơ.

2.2.4. **Cháu Võ Quang A1**, sinh ngày 02/7/2008

Địa chỉ: A, T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện giám hộ của cháu Quang A1: Ông Võ Trung C (cha cháu Quang A1)

Địa chỉ: A, T, phường N, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Bà Trần Thị Huỳnh A2**, sinh năm 1950.

3.2. **Ông Võ Trung L**, sinh năm 1945.

Cùng địa chỉ: A, T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Thanh P, là Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Thanh P thuộc Đoàn Luật sư thành phố C.

3.3. **Ông Võ Trung D1**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A, đường số A, KDC B, phường B, TP ..

3.4. **Công ty TNHH N**

Địa chỉ: A, T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ê, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 6/41, P, xã H, tỉnh Vĩnh Long (P, Hưng Khánh Trung B, Chợ L, Bến Tre trước đây).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trung L và bà Trần Thị Huỳnh A2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của nguyên trình bày:* Ngân hàng TMCP T2 đã cho ông Võ Trung C và bà Trần Hồ Tú D vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 32069/20MN/HĐTD ngày 05/10/2020, Hợp đồng tín dụng số 36062/21MN/HĐTD ngày 15/9/2021, Hợp đồng tín dụng số 51891/21MN/HĐTD ngày 23/12/2021, như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 32069/20MN/HĐTD, khế ước 01, ngày khế ước

06/10/2020, ngày giải ngân 07/10/2020, ngày đến hạn 06/10/2030, số tiền giải ngân 8.000.000.000 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng số 36062/21MN/HĐTD, khế ước TC, ngày khế ước 15/9/2021, ngày giải ngân 15/9/2021, ngày đến hạn 15/9/2022, số tiền giải ngân 200.000.000 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng số 51891/21MN/HĐTD, khế ước 01, ngày khế ước 24/12/2021, ngày giải ngân 25/12/2021, ngày đến hạn 24/12/2028, số tiền giải ngân: 400.000.000 đồng.

- Lãi suất vay: thay đổi theo từng thời kỳ, mục đích vay: theo từng khế ước nhận nợ.

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại A T, P. A, Q. N, TP .; Người sở hữu: Ông Võ Trung C và ông Võ Trung D1; Giấy tờ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5401120162, hồ sơ gốc số 62/96 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 17/12/1996.

- Dư nợ hiện tại: Tính đến thời điểm hiện nay, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng ông Võ Trung C và bà Trần Hồ Tú D vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết. Ngày 30/3/2023, Ngân hàng TMCP P đã bán toàn bộ khoản nợ và quyền xử lý tài sản bảo đảm cho Công ty Đ1 theo Hợp đồng mua bán nợ số 031.03/2023/HĐMBN/HDB-D&D. Đến ngày 10/02/2023, tổng số tiền ông Võ Trung C và bà Trần Hồ Tú D còn nợ Công ty D2 là 7.888.839.648 đồng. Trong đó: Gốc là: 7.399.550.853 đồng; Lãi trong hạn: 435.828.493 đồng; Lãi quá hạn: 53.460.302 đồng; (Lãi vay tạm tính đến ngày 10/02/2023). Nhận thấy, ông Võ Trung C và bà Trần Hồ Tú D đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Vì vậy, Công ty D2 tiến hành khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thu hồi nợ đối với ông Võ Trung C và bà Trần Hồ Tú D:

- Buộc ông Võ Trung C và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D thanh toán cho Công ty cổ phần Đ1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/02/2023: 7.888.839.648 đồng (Trong đó: Gốc: 7.399.550.853 đồng; lãi trong hạn: 435.828.493 đồng, lãi quá hạn: 53.460.302 đồng) và lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Trường hợp ông C, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp là: Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại số A T, P. T (P. An Phú cũ), Q. N, TP . để

thu hồi nợ cho nguyên đơn.

- ***Trong quá trình giải quyết ông Võ Trung C và đại diện ông C- ông Trần Thanh P trình bày:*** Ông Võ Trung C thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông C có ý kiến, ông và bà Trần Hồ Tú D có ký các hợp đồng tín dụng gồm:

- HĐTD 32069/21MN/HĐTD, ngày 06/10/2020 để vay của ty tổng số tiền gốc là: 8.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất là 12%/năm;

- HĐTD 36062/21MN/HĐTD, ngày 15/09/2021 để vay của ty tổng số tiền gốc là: 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 12%/năm;

- HĐTD 51891/21MN/HĐTD ngày 24/12/2021 để vay của công ty tổng số tiền gốc là: 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất là 11%/năm;

- Thẻ tín dụng 15/4/2022 để vay của công ty tổng số tiền gốc là: 3.753.000 đồng.

Hợp đồng này được Công ty TNHH N bảo lãnh theo giấy Cam kết bảo lãnh ngày 10/8/2020. Trong quá trình vay, định kỳ hàng tháng, quý ông bà có trả nợ gốc và lãi, tổng số tiền gốc là 1.250.069.347 đồng và tiền lãi là 1.699.837.926 đồng, từ 06/10/2020 đến 24/11/2022 (hơn 2 năm 01 tháng). Khi vay tiền, ông bà đã dự liệu điều kiện thanh toán cho Công ty. Tuy nhiên, do Covid kéo dài, hoạt động của Dự án Cồn Khương bị ngưng trệ. Từ tháng 06/2021 ông bà có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân T gia hạn dự án, tuy nhiên đến đầu tháng 04/2023 mới có quyết định gia hạn dự án. Tháng 12/2021, bà Trần Thị Huỳnh A2, Chủ tịch đồng thành viên Công ty TNHH N đã bị C1 phải nằm cấp cứu ở bệnh viện trong thời gian dài. Còn bà Trần Hồ Tú D đã chết do C1 vào ngày 06/3/2022. Mọi chuyện xảy ra không lường trước được. Toàn bộ hoạt động doanh nghiệp của ông đều bị ngưng trệ. Vì vậy, ông kính đề nghị Công ty cho ông giãn nợ đến tháng 12/2023 nhằm giúp ông hồi phục hoạt động kinh doanh.

- ***Trong quá trình giải quyết - ông Võ Trung L trình bày:*** Ông là cha của ông Võ Trung C, ông có biết việc ông C vay tiền của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H nhưng ông không nhớ vay khi nào và số tiền là bao nhiêu. Tài sản mà ông C thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số: A, đường T, Q. N, TP . là nhà và đất của ông và vợ ông là bà Trần Thị Huỳnh A2, ông và bà tặng cho anh em ông Võ Trung D1 và ông Võ Trung C. Hiện ông, bà Huỳnh A2 và ông C đang sống trong nhà và đất nêu trên, ông xin gia hạn để ông sắp xếp vốn trả nợ cho ông C, trường hợp khó khăn quá thì ông đồng ý phát mãi tài sản.

Ông L trình bày bổ sung: Ông xin Ngân hàng xem xét giảm lãi suất cho gia đình ông trong hợp đồng tín dụng. Vì các lý do bất khả kháng: Bà D mất vì lý do dịch covid. Bệnh dịch covid thời gian qua làm ngưng trệ việc kinh doanh, kinh tế bị suy thoái chung. Bất động sản bị ảnh hưởng trầm trọng nên các dự án không tiến

triển được. Vợ chồng ông và bà Huỳnh A2 đã lớn tuổi nhưng mắc bệnh nan y. Ông đã mổ tim phải uống thuốc suốt đời để hỗ trợ tim. Bà Huỳnh A2 bị bệnh tim rất nặng, bệnh viện đề nghị thuật nhưng chưa thực hiện được. Hiện tại vợ chồng ông sống tại địa chỉ A T, phường N, thành phố Cần Thơ (nhà thế chấp), ông bà không còn nhà nào khác để cư trú. Vì các lý do bất khả kháng trên, vợ chồng ông xin Quý Toà và Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi suất toàn bộ để ông bà đỡ khó khăn và có thể thanh toán vốn vay được trọn vẹn. Ngoài ra, tình hình bất động sản có xu hướng tốt trở lại nên ông bà có khả năng thanh toán nợ vay trong thời gian gần đây, có thể sớm nhất trong vài tháng nữa.

- **Tại biên bản thẩm định - bà Trần Thị Huỳnh A2 trình bày:** Gia đình đang tìm phương án trả nợ cho Ngân hàng cố gắng giữ lại tài sản thế chấp. Trong trường hợp ông C, ông D1 không trả được nợ thì bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 311/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1

- Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D gồm bà T1, ông C, bà Minh A, ông Quang A1 (có người đại diện giám hộ: ông C) có nghĩa vụ trên phần di sản được hưởng của bà D cùng có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn ông C trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là: 11.279.179.783 đồng (Trong đó: nợ gốc 7.352.267.734 đồng, nợ lãi trong hạn 2.508.585.963 đồng, nợ lãi quá hạn 1.418.326.085 đồng) và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và theo từng khế ước nhận nợ cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho nguyên đơn.

- Trong trường hợp ông C, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại số A T, phường N, thành phố Cần Thơ, chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5401120162, hồ sơ gốc số 62/96 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 17/12/1996 cho ông Võ Trung L, bà Trần Thị Huỳnh A2; ngày 18/12/2012 xác nhận số tờ bản đồ và số thửa được đính chính là: TĐĐ: 07- Thửa 89, tặng cho ông Võ Trung C và ông Võ Trung D1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông L và bà Huỳnh A2 có đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo yêu cầu được giảm lãi suất chậm trả lãi với tiền 415.999.718 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý với yêu cầu của người kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của ông Võ Trung L và bà Trần Thị Huỳnh A2 trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa cho thấy đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc không tính lãi suất chậm trả lãi. Xét thấy, việc các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận các đương sự là đúng pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán tiền vốn và suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Võ Trung L và bà Trần Thị Huỳnh A2 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị đơn là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn và người kháng cáo thống nhất

thỏa thuận được với nhau về việc giảm lãi suất chậm trả lãi cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng), đã trả được 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), đến ngày 08/8/2022 nợ gốc còn 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả lãi với số tiền 390.921.052 đồng (Ba trăm chín mươi triệu chín trăm hai mươi một ngàn không trăm năm mươi hai đồng).

- Đối với khoản vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), tính đến ngày 15/9/2022 nợ gốc còn 149.550.853 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm trả lãi là 108. (Một trăm lẻ tám ngàn một trăm bốn mươi tám đồng).

- Đối với khoản vay 400.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), nợ gốc còn: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả lãi là 24.970.518 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi ngàn năm trăm mười tám đồng)

- Đối với khoản nợ thẻ: 50.000.000 đồng, tính đến ngày 26/9/2025 còn nợ gốc: 2.716.881 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả lãi là 1.774 đồng (Một ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Như vậy, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D gồm bà T1, ông C, bà Minh A, ông Quang A1 (có người đại diện giám hộ: ông C) có nghĩa vụ trên phần di sản được hưởng của bà D cùng có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn ông C trả cho nguyên đơn theo các Hợp đồng tín dụng và nợ thẻ nêu trên với số tiền vốn và lãi tính đến ngày 26/9/2025 là 10.863.180.065 đồng (Mười tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng) và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và theo từng khế ước nhận nợ cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho nguyên đơn.

[5] Xét thấy, việc các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận các đương sự là đúng pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Người kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

-Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội.

* Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Trung L và bà Trần Thị Huỳnh A2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 311/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cần Thơ cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1

- Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D gồm bà T1, ông C, bà Minh A, ông Quang A1 (có người đại diện giám hộ: ông C) có nghĩa vụ trên phần di sản được hưởng của bà D cùng có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn ông C trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 10.863.180.065 đồng (Mười tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng) và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và theo từng khế ước nhận nợ cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho nguyên đơn.

- Trong trường hợp ông C, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại số A T, phường N, thành phố Cần Thơ, chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 5401120162, hồ sơ gốc số 62/96 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 17/12/1996 cho ông Võ Trung L, bà Trần Thị Huỳnh A2; ngày 18/12/2012 xác nhận số tờ bản đồ và số thửa được đính chính là: TĐĐ: 07, Thửa 89, tặng cho ông Võ Trung C và ông Võ Trung D1

2. Về chi phí thẩm định: Bị đơn phải chịu 3.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng, đã chi xong. Nên bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền trên

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Trung C phải chịu 89.459.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Võ Minh A phải chịu 14.909.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Hồ Thị Thanh T1 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn được nhận lại 57.944.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001267 ngày 26/6/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều (nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Cần Thơ).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí cho ông L và bà A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tuyết Mai